

Số: 37/2019/QĐST-HNGĐ

Sông Lô, ngày 07 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1992; Nơi cư trú: thôn C, xã Nh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

Bị đơn: Anh Lê Hồng L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: thôn H, xã Nh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Th và anh Lê Hồng L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nuôi con: Chị Th và anh L đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Minh Nh, sinh ngày 04/5/2016, hiện nay con đang ở cùng chị Th. Ly hôn, hai bên thỏa thuận để chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi con và anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.000.000đ/tháng (bằng chữ: một triệu đồng/tháng) kể từ tháng 4/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

2.2 Về tài sản chung: Chị Th và anh L xác nhận tài sản chung của vợ chồng là số tiền 120.000.000đ, hiện nay anh L đang quản lý. Ly hôn, hai bên thỏa thuận anh L thanh toán cho chị Th số tiền 60.000.000đ (bằng chữ: sáu mươi triệu đồng).

2.3 Về tài sản riêng: Chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Trần Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành xong, nếu anh Lê Hồng L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4 Về án phí: Chị Trần Thị Thg tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 1500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí phân chia tài sản nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0001490 ngày 03/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Trả lại chị Th 1.150.000đ (bằng chữ: một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lê Hồng L phải chịu nộp 1.500.000đ (bằng chữ: một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí phân chia tài sản và 150.000đ (bằng chữ: một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- UBND xã Nh, huyện Sông Lô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Khương Đặng Khánh Hằng